

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

NGÀNH : KẾ TOÁN

MÃ NGÀNH : 8340301

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /QĐ-UEF, ngày 01 tháng 4 năm 2020  
Của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế – Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

### I. THÔNG TIN CHUNG:

#### 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: KẾ TOÁN
- Tên tiếng Anh: ACCOUNTING

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ.

Thời gian đào tạo: 1,5 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Kế toán
- Tên tiếng Anh: Master of Accounting.

#### 1.2. Mục tiêu đào tạo:

##### 2.1. Mục tiêu đào tạo (Program goals)

##### 2.1.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán đào tạo cho học viên có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp vững vàng và chuyên nghiệp; cung cấp cho người học nền tảng kiến thức chuyên sâu; có kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo và năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề liên quan đến kế toán và tài chính và vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tế công việc tại đơn vị

##### 2.1.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

- Kiến thức

PO1: Có các kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành trong lĩnh vực Kế toán.

- Kỹ năng:

PO2: Có kỹ năng nhận thức, phân biệt, phân tích, tổng hợp và thực hành nghề nghiệp; kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm để thực hiện các nghiệp vụ phức tạp trong môi trường làm việc liên ngành và quốc tế hóa.

- Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm

PO3: Làm việc độc lập trong các điều kiện làm việc thay đổi; tôn trọng đạo đức

nghề nghiệp, tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như hình thành thái độ và năng lực tự học tập, tự nghiên cứu suốt đời

### 1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng tuyển sinh: Tất cả các thí sinh tốt nghiệp đại học các ngành gần hoặc không thuộc các ngành dự thi có nguyện vọng dự thi tuyển sinh cao học chuyên ngành Kế toán. Căn cứ vào bảng điểm tốt nghiệp đại học, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường sẽ xem xét và quyết định các môn học mà thí sinh cần phải học bổ sung kiến thức để đáp ứng điều kiện dự tuyển. Dự kiến các môn cần phải học bổ sung kiến thức như sau:

| TT | Mã môn học | Tên môn học  | Số tín chỉ |
|----|------------|--|------------|
| 1  | FIN1101    | Lý thuyết tài chính - tiền tệ<br>(The Economics of Money, Banking and Financial Markets) | 3          |
| 2  | ECO1101    | Kinh tế vi mô<br>(Microeconomics)  | 3          |
| 3  | ECO1102    | Kinh tế vĩ mô<br>(Macroeconomics)  | 3          |
| 4  | ACC1101    | Nguyên lý kế toán<br>(Principles of Accounting)  | 3          |
| 5  | MKT1101    | Marketing căn bản<br>(Principles of Marketing)   | 3          |
| 6  | MGT1101    | Quản trị học<br>(Principles of Management)   | 3          |

### 1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: /QĐ-UEF ngày tháng năm 2020 về việc ban hành Chuẩn đầu ra chuyên ngành Kế toán, trình độ thạc sĩ, hệ chính quy, khóa 2020.

## II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: **60** tín chỉ tích lũy.

| TT | Thành phần                      | Số tín chỉ |           |           | Tỷ lệ %      |
|----|---------------------------------|------------|-----------|-----------|--------------|
|    |                                 | Bắt buộc   | Tự chọn   | Cộng      |              |
| 1  | Kiến thức chung                 | 6          | -         | 6         | 10,0         |
| 2  | Kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 24         | 15        | 39        | 65,0         |
| 3  | Luận văn tốt nghiệp             | 15         | -         | 15        | 25,0         |
|    | <b>Cộng</b>                     | <b>45</b>  | <b>15</b> | <b>60</b> | <b>100,0</b> |

DU  
f  
:INH  
TI  
H  
/B

**2.2. Khung chương trình:**

| TT  | Mã HP   | Tên học phần                    |                               | Số<br>tín<br>chỉ | Số tiết   |    |       |       |    | Mã<br>HP<br>trước | Ghi<br>chú |
|---|---------|---------------------------------|-------------------------------|------------------|---|----|-------|-------|----|-------------------|------------|
|   |         |                                 |                               |                  | <i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH;<br/>Thi nghiệm – TN; Đồ án – ĐA;<br/>Thực tập – TT)</i> |    |       |       |    |                   |            |
|   |         | Tiếng Việt                      | Tiếng Anh                     |                  | Tổng  | LT | TH/TN | ĐA/LV | TT |                   |            |
| <b>A. Kiến thức chung</b>                 |         |                                 |                               | <b>6</b>         |   |    |       |       |    |                   |            |
| 1   | PHI6101 | Triết học                       | Philosophy                    | 4                | 60  | 45 | 15    |       |    |                   |            |
| 2   | RES6101 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Scientific Method of Research | 2                | 30  | 25 | 5     |       |    |                   |            |
| <b>B. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b> |         |                                 |                               | <b>39</b>        |   |    |       |       |    |                   |            |
| <b>B.1. Học phần bắt buộc</b>             |         |                                 |                               | <b>24</b>        |   |    |       |       |    |                   |            |
| <i>B.1.1. Các học phần cơ sở ngành</i>    |         |                                 |                               | <i>6</i>         |   |    |       |       |    |                   |            |
| 1   | ECO6101 | Kinh tế học                     | Economics                     | 3                | 45  | 28 | 17    |       |    |                   |            |
| 2   | STA6101 | Thống kê và phân tích dữ liệu   | Statistics and Data Analysis  | 3                | 45  | 19 | 26    |       |    |                   |            |
| <i>B.1.2. Các học phần chuyên ngành</i>   |         |                                 |                               | <i>18</i>        |   |    |       |       |    |                   |            |
| 1   | ACC6110 | Kế toán tài chính               | Financial Accounting          | 3                | 45  | 45 |       |       |    |                   |            |
| 2   | ACC6111 | Kế toán quản trị                | Managerial Accounting         | 3                | 45  | 45 |       |       |    |                   |            |
| 3   | FIN6111 | Kinh tế lượng tài chính         | Financial Econometrics        | 3                | 45  | 45 |       |       |    |                   |            |
| 4   | ACC6106 | Phân tích tài chính             | Financial Analysis            | 3                | 45  | 45 |       |       |    |                   |            |

| TT   | Mã HP   | Tên học phần                                     |  | Số tín chỉ | Số tiết  |    |       |       |    | Mã HP trước | Ghi chú |
|--|---------|--|--|------------|--|----|-------|-------|----|-------------|---------|
|  |         |  |  |            | (Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT) |    |       |       |    |             |         |
|  |         | Tiếng Việt                                       | Tiếng Anh                                |            | Tổng   | LT | TH/TN | ĐA/LV | TT |             |         |
| 5  | ACC6114 | Lý thuyết kế toán (Các trường phái kế toán)      | Accounting theory (School of Accounting) | 3          | 45   | 45 |       |       |    |             |         |
| 6  | ACC6115 | Chuyên đề nghiên cứu kế toán                     | Research Project in Accounting           | 3          | 45   | 45 |       |       |    |             |         |
| <b>B.2. Học phần tự chọn (chọn 5/8 học phần)</b> |         |  |  | <b>15</b>  |  |    |       |       |    |             |         |
| 1  | ACC6116 | Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính | Financial Derivatives and risk           | 3          | 45   | 45 |       |       |    |             |         |
| 2  | ACC6112 | Kiểm toán  | Auditing                                 | 3          | 45   | 45 |       |       |    |             |         |
| 3  | FIN6109 | Thẩm định giá tài sản                            | Asset Appraisad and Valuation            | 3          | 45   | 45 |       |       |    |             |         |
| 4  | ACC6108 | Hệ thống thông tin kế toán                       | Accounting Information System            | 3          | 45   | 45 |       |       |    |             |         |
| 5  | ACC6109 | Kế toán công                                     | Public Accounting                        | 3          | 45   | 45 |       |       |    |             |         |
| 6  | ACC6116 | Kiểm soát nội bộ                                 | Internal control                         | 3          | 45   | 45 |       |       |    |             |         |
| 7  | ACC6117 | Đạo đức kế toán kiểm toán                        | Ethics in accounting and auditing        | 3          | 45   | 45 |       |       |    |             |         |
| 8  | ACC6118 | Kế toán tài chính quốc tế                        | International Financial Accounting       | 3          | 45   | 45 |       |       |    |             |         |

| TT                            | Mã HP   | Tên học phần                   |              | Số<br>tín<br>chỉ | Số tiết  |    |       |       |    | Mã<br>HP<br>trước | Ghi<br>chú |
|-------------------------------|---------|--------------------------------|--------------|------------------|--|----|-------|-------|----|-------------------|------------|
|                               |         |                                |              |                  | (Lý thuyết – LT; Thực hành – TH;<br>Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA;<br>Thực tập – TT) |    |       |       |    |                   |            |
|                               |         | Tiếng Việt                     | Tiếng Anh    |                  | Tổng   | LT | TH/TN | ĐA/LV | TT |                   |            |
| <b>C. Luận văn tốt nghiệp</b> |         |                                |              | <b>15</b>        |  |    |       |       |    |                   |            |
| 1                             | ACC6401 | Luận văn thạc sĩ ngành Kế toán | Thesis       | 15               |  |    | X     |       |    |                   |            |
|                               |         |                                | <b>Cộng:</b> | <b>60</b>        |  |    |       |       |    |                   |            |

### 2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến<sup>1</sup>:

| TT | Mã HP   | Tên học phần<br>(Tiếng Việt)            | Tên học phần<br>(Tiếng Anh)   | Học kỳ (số tín<br>chỉ) |   |   | Ghi chú |
|----|---------|---|-------------------------------|------------------------|---|---|---------|
|    |         |   |                               | 1                      | 2 | 3 |         |
| 1  | PHI6101 | Triết học                               | Philosophy                    | 4                      |   |   |         |
| 2  | RES6101 | Phương pháp nghiên cứu khoa học         | Scientific Method of Research | 2                      |   |   |         |
| 3  | ECO6101 | Kinh tế học                             | Economics                     | 3                      |   |   |         |
| 4  | ACC6111 | Kế toán quản trị                        | Managerial Accounting         | 3                      |   |   |         |
| 5  | FIN6111 | Kinh tế lượng tài chính                 | Financial Econometrics        | 3                      |   |   |         |
|    |         | <i>Chọn 3 trong 4 học phần dưới đây</i> |                               |                        |   |   |         |
| 6  | ACC6112 | Kiểm toán                               | Auditing                      | 3                      |   |   | Tự chọn |
| 7  | ACC6109 | Kế toán công                            | Public Accounting             | 3                      |   |   | Tự chọn |
| 8  | ACC6116 | Kiểm soát nội bộ                        | Internal control              | 3                      |   |   | Tự chọn |

<sup>1</sup> Chương trình học có thể được điều chỉnh thứ tự các môn trong danh sách dựa vào số lượng học viên thực tế của khóa.

| TT           | Mã HP   | Tên học phần<br>(Tiếng Việt)                     | Tên học phần<br>(Tiếng Anh)              | Học kỳ (số tín<br>chỉ) |           |           | Ghi chú |
|--------------|---------|--|--|------------------------|-----------|-----------|---------|
|              |         |  |  | 1                      | 2         | 3         |         |
| 9            | ACC6117 | Đạo đức kế toán kiểm toán                        | Ethics in accounting and auditing        | 3                      |           |           | Tự chọn |
| <b>Cộng:</b> |         |  |  | <b>24</b>              |           |           |         |
| 10           | STA6101 | Thống kê và phân tích dữ liệu                    | Statistics and Data Analysis             |                        | 3         |           |         |
| 11           | ACC6110 | Kế toán tài chính                                | Financial Accounting                     |                        | 3         |           |         |
| 12           | ACC6106 | Phân tích tài chính                              | Financial Analysis                       |                        | 3         |           |         |
| 13           | ACC6114 | Lý thuyết kế toán (Các trường phái kế toán)      | Accounting theory (School of Accounting) |                        | 3         |           |         |
| 14           | ACC6115 | Chuyên đề nghiên cứu kế toán                     | Research Project in Accounting           |                        | 3         |           |         |
|              |         | <i>Chọn 2 trong 4 học phần dưới đây</i>          |  |                        | 3         |           |         |
| 15           | FIN6109 | Thẩm định giá tài sản                            | Asset Appraisal and Valuation            |                        | 3         |           | Tự chọn |
| 16           | ACC6118 | Kế toán tài chính quốc tế                        | International Financial Accounting       |                        | 3         |           | Tự chọn |
| 17           | ACC6116 | Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính | Financial derivatives and risk           |                        | 3         |           | Tự chọn |
| 18           | ACC6108 | Hệ thống thông tin kế toán                       | Accounting Information System            |                        | 3         |           | Tự chọn |
| <b>Cộng:</b> |         |  |  |                        | <b>21</b> |           |         |
| 19           | ACC6401 | Luận văn thạc sĩ ngành Kế toán                   | Thesis                                   |                        |           | 15        |         |
| <b>Cộng:</b> |         |  |  |                        |           | <b>15</b> |         |
| <b>Cộng:</b> |         |  |  | <b>24</b>              | <b>21</b> | <b>15</b> |         |





## **2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:**

### **Triết học: 4 tín chỉ**

Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng:

Học phần có 8 chương, bao gồm: Mở đầu (chương 1. Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; Ba chương (chương 2. Bản thể luận; chương 3. Pháp biện chứng; chương 4. Nhận thức luận): bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; Bốn chương (chương 5. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; chương 6. Triết học chính trị; chương 7. Ý thức xã hội; chương 8. Triết học về con người): bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người.

### **Phương pháp nghiên cứu khoa học: 2 tín chỉ**

Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp luận tư duy; học viên có thể hệ thống kiến thức đã học cùng với các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính, hoạt động nghề nghiệp, ... cũng như hoàn thành Đề án tốt nghiệp thạc sĩ chất lượng.

Nội dung chính bao gồm: Giới thiệu phương pháp nghiên cứu và Quy trình nghiên cứu khoa học; Xác định vấn đề, mục tiêu, câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu; Tổng quan tài liệu; Bản chất, dạng số liệu đo lường, phương pháp chọn mẫu và xác định cỡ mẫu; lựa chọn khung phân tích và thiết kế nghiên cứu; thiết kế mẫu và thu thập thông tin; phân tích số liệu; viết đề cương nghiên cứu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.

### **Kinh tế học: 3 tín chỉ**

Học phần giúp học viên hiểu biết và nắm bắt được một số vấn đề cơ bản của kinh tế học như: quan hệ cung cầu, hệ số co giãn và ứng dụng, lý thuyết sản xuất, tiêu dùng, cách vận hành nền kinh tế của Chính phủ khi thực hiện những chính sách kinh tế, tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn, vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế hiện đại, ảnh hưởng của các dòng vốn đến nền kinh tế quốc gia, hay khu vực. Đặc biệt, học phần sẽ giúp học viên nghiên cứu, phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế trong thực tế theo nhiều quan điểm khác nhau.

### **Thống kê và phân tích số liệu: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho học viên hệ thống các kiến thức về chỉ tiêu và phương pháp trong thống kê. Từ đó, giúp học viên khái quát được hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp thống kê; vận dụng được quy trình thống kê trong thực tế, vận dụng phương pháp chọn mẫu trong kinh tế, áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong việc mô tả, phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội; áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong phân tích sự biến động của các biến số kinh tế theo thời gian và dự báo các biến số kinh tế; áp dụng các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Ngoài ra, học phần cũng cung

cấp cho học viên những kiến thức về các phương pháp và mô hình kinh tế lượng cơ bản được ứng dụng trong nghiên cứu thực nghiệm chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Học viên có khả năng ứng dụng các mô hình kinh tế lượng vào nghiên cứu học thuật dưới sự hỗ trợ của các phần mềm thống kê như SPSS, AMOS.

### **Kế toán tài chính: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kế toán tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam; trang bị cho học viên những kỹ năng tự nghiên cứu, phát triển bản thân và nghề nghiệp chuyên môn trong môi trường làm việc cạnh tranh cao cũng như thái độ chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực kế toán.

### **Kế toán quản trị: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức mang tính chuyên sâu và nâng cao về lý thuyết và thực hành kế toán quản trị trong các đơn vị nhằm cung cấp thông tin kế toán phục vụ chức năng quản lý, bao gồm: kế toán quản trị dưới góc nhìn trong mối quan hệ C-V-P, kế toán chi phí theo công việc và theo quá trình; kế toán chi phí trên cơ sở hoạt động (ABC); lập dự toán ngân sách; kiểm soát ngân sách và kế toán trách nhiệm; chi phí chuẩn và thẻ điểm cân bằng; các quyết định về giá bán và ứng dụng các thông tin trong việc đưa ra các quyết định quản trị ngắn hạn của đơn vị.

### **Kinh tế lượng tài chính: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quát về kinh tế lượng nâng cao. Cụ thể là các trường hợp mô hình hồi quy vi phạm tiêu chuẩn tổng bình phương bé nhất (OLS) như đa cộng tuyến, phương sai nhiễu thay đổi và tự tương quan. Ngoài ra, chương trình cũng trang bị cho học viên một số mô hình rất phổ biến để nghiên cứu và phân tích sâu những hiện tượng kinh tế như: Mô hình hồi quy biến trễ; Mô hình xác suất; Mô hình với dữ liệu bảng; Mô hình ARIMA; Mô hình ARCH; Đặc biệt là mô hình BEA; Mô hình SEM rất phù hợp để phân tích những tình huống kinh tế thuộc chuyên ngành kế toán.

### **Phân tích tài chính: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về các chỉ tiêu trong hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp và mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trong các hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính, quy trình phân tích ngành và chiến lược, phân tích kế toán trong mối quan hệ với phân tích tài chính nhằm giúp người học phân tích khả năng sinh lợi, khả năng thanh toán và năng lực dòng tiền của doanh nghiệp, dự báo những chỉ tiêu quan trọng trên báo cáo tài chính với nhiều mục đích khác nhau.

### **Lý thuyết kế toán: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quát về kế toán qua nhiều giai đoạn của lịch sử phát triển của loài người theo các trường phái kế toán khác nhau và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán; sự vận dụng các lý thuyết này trong việc xây dựng các nguyên tắc kế toán được áp dụng chế độ kế toán cũng như chuẩn mực kế toán tại một số quốc gia. Qua đó, rút kết được kế toán là một hệ thống thông tin hình thành và phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau với nhiều quan điểm khác nhau; và

được sử dụng phản ánh quá khứ, hiện tại và tương lai, là ngôn ngữ trong kinh doanh nhằm cung cấp thông tin đáp ứng cho việc hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm soát, và ra quyết định cho các đối tượng sử dụng.

### **Chuyên đề nghiên cứu Kế toán: 3 tín chỉ**

Học phần giúp cho người học hiểu và vận dụng được những kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiên cứu khoa học để xây dựng đề cương chi tiết của luận văn thạc sĩ cũng như thái độ chấp hành nghiêm túc quy định, hướng dẫn của Nhà trường.

### **Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính: 3 tín chỉ**

Học phần Tài chính phái sinh và Quản trị rủi ro sẽ bổ sung và nâng cao cho học viên những kiến thức và công cụ cần thiết nhằm phát hiện, đo lường và hạn chế các rủi ro tài chính trong khi vẫn đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh. Rủi ro trong tài chính rất đa dạng và phức tạp, các rủi ro thường xảy ra cùng lúc và có ảnh hưởng lẫn nhau, như rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro thị trường... Vì vậy, các công cụ đo lường rủi ro cũng đòi hỏi phải phân tách được phạm vi cũng như mức độ tác động của các loại rủi ro này. Các công cụ đo lường rủi ro thường dùng trong tài chính như mô hình VAR, dùng phương pháp stress test... Sau khi đo lường rủi ro, học phần sẽ giới thiệu các phương pháp quản trị rủi ro bằng các công cụ tài chính phái sinh như hợp đồng kì hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi. Đặc biệt, học phần tập trung nghiên cứu các kĩ thuật sử dụng các công cụ này phục vụ mục tiêu phòng ngừa rủi ro, và cách đánh giá hiệu quả phòng ngừa rủi ro với từng hợp đồng cụ thể. Bên cạnh đó, các kĩ thuật mới nhằm kết hợp hai hay nhiều công cụ phái sinh để tạo ra chiến lược phòng ngừa rủi ro hiệu quả hơn cũng được giới thiệu trong học phần này.

### **Kiểm toán: 3 tín chỉ**

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về các loại kiểm toán và dịch vụ đảm bảo; quy trình thực hiện một hoạt động kiểm toán từ việc chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành; đồng thời có kiến thức và kỹ năng thực hiện tốt các dịch vụ đảm bảo đáp ứng được yêu cầu đối với từng khách hàng riêng biệt.

### **Thẩm định giá tài sản: 3 tín chỉ**

Môn học nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng định giá giá trị doanh nghiệp như: Các tiêu chuẩn thẩm định giá cơ sở giá trị và các nguyên tắc kinh tế chi phối hoạt động thẩm định giá; Các kỹ thuật tính toán của các phương pháp theo các cách tiếp cận trong thẩm định giá, có khả năng trình bày và viết báo cáo kết quả thẩm định giá.

### **Hệ thống thông tin kế toán: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho người thực hành trong lĩnh vực kế toán - tài chính và nhà quản lý nhằm hỗ trợ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và quản trị tài chính trong hoạt động tổ chức, kiểm soát hệ thống kế toán - tài chính máy. Theo định hướng ứng dụng trong ngữ cảnh của CMCN 4.0, học phần này cung cấp kiến thức tổ chức hệ thống kế toán - tài chính một cách hiệu quả cho các vị trí việc làm bao gồm người sử dụng hệ thống thông tin kế toán; người hành nghề kiểm toán; các nhà quản lý tài chính và cả các nhà quản lý nói chung, đánh

giá về sự hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán và nhóm người tư vấn phát triển hệ thống thông tin kế toán cho các tổ chức, đơn vị.

### **Kế toán công: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kế toán hành chính sự nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam cũng như kế toán trong khu vực công theo chuẩn mực kế toán công quốc tế; trang bị cho học viên những kỹ năng tự nghiên cứu, phát triển bản thân và nghề nghiệp chuyên môn trong môi trường làm việc cạnh tranh cao cũng như thái độ chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực kế toán hành chính sự nghiệp

### **Kiểm soát nội bộ: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kiểm soát nội bộ. Nội dung chính của học phần bao gồm: khái niệm và vai trò của kiểm soát nội bộ đối với việc phát hiện và ngăn ngừa rủi ro, gian lận trong hoạt động kinh doanh, sự phát triển của hoạt động kiểm soát nội bộ theo sự phát triển của hoạt động quản trị và cách thức đề thiết kế, đánh giá hoạt động kiểm soát đối với các hoạt động chính của doanh nghiệp, như : mua hàng, bán hàng, tiền, chi phí lương,...

### **Đạo đức kế toán kiểm toán: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính, kế toán - kiểm toán, tài chính cũng như kiến thức chuyên sâu về những quy định, nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính, kế toán trên cả 2 giác độ là quy định của pháp lý và khuyến cáo của Hiệp hội nghề nghiệp. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho học viên những kỹ năng tự nghiên cứu, phát triển bản thân và giữ vững phẩm chất đạo đức nghề nghiệp chuyên môn trong môi trường làm việc luôn thay đổi cũng như rèn luyện tính chủ động, trong việc chấp hành nghiêm túc những quy định, nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp về tài chính, kế toán - kiểm toán ở cả khía cạnh khoa học và thực tiễn.

### **Kế toán tài chính quốc tế: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kế toán - tài chính theo chuẩn mực kế toán tài chính quốc tế trong một số nội dung cụ thể (IAS, IFRS); trang bị cho học viên những kỹ năng tự nghiên cứu, phát triển bản thân và nghề nghiệp chuyên môn trong môi trường làm việc cạnh tranh cao, hội nhập sâu và rộng trong tiến trình quốc tế hoá, cũng như thái độ chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực kế toán - tài chính theo chuẩn mực quốc tế.

### **Luận văn tốt nghiệp: 15 tín chỉ**

Học phần này giúp học viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Học viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một luận văn tốt nghiệp.

Học phần này có mục tiêu giúp học viên:

- Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn.

Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên

cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định;

- Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography);

- Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu.

- Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.

### III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo này áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020.

2. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của nhà trường, phòng Đào tạo sau đại học.

3. Các học phần được phân công giảng dạy bởi phòng Đào tạo sau đại học và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với bản mô tả trong chương trình đào tạo.

4. Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và các quy định liên quan hiện hành của trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trưởng phòng Đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của học viên và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập,...

6. Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật mỗi năm (những thay đổi nhỏ như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá) và rà soát 02 năm một lần (chủ yếu xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần) để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2020

